

**PHỤ LỤC A-1**  
**HẠNG MỤC THUẾ QUAN CỦA MÊ-XI-CÔ**

**(Bản dịch không chính thức của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương)**

# PHỤ LỤC A-1

## HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CỦA MÊ-XI-CÔ

### Phần A – Quy định chung

1. Phụ lục này trình bày về Hạn ngạch thuế quan (TRQs) mà Mê-xi-cô sẽ áp dụng đối với một số hàng hóa có xuất xứ theo Hiệp định. Cụ thể, hàng hóa có xuất xứ của các Bên của Hiệp định nằm trong Phụ lục này sẽ thay cho mức thuế được chi tiết tại Chương 1 đến chương 97 của Lộ trình giảm thuế của Mê-xi-cô của Luật thuế nhập khẩu và xuất khẩu (“Tarifa de la Ley de los Impuestos Generales de Importación y de Exportación - LIGIE”). Không xét đến bất kỳ quy định nào của LIGIE, hàng hóa có xuất xứ của các Bên của Hiệp định theo số lượng được mô tả trong Phụ lục này sẽ được cho phép nhập khẩu vào lãnh thổ của Mê-xi-cô theo quy định của Phụ lục này. Ngoài ra, trừ khi được quy định khác, bất kỳ lượng hàng hóa có xuất xứ được nhập khẩu bởi một Bên theo TRQ quy định tại Phụ lục này sẽ không được tính vào lượng trong hạn ngạch của bất kỳ TRQ nào quy định cho hàng hóa đó theo Biểu Lộ trình thuế WTO của Mê-xi-cô hoặc bất kỳ Hiệp định thương mại nào khác.

2. Mê-xi-cô sẽ quản lý Hạn ngạch thuế quan theo quy định của Hiệp định và theo Phần B của Phụ lục này theo các điều khoản quy định trong Phụ lục và Phần D (Quản lý hạn ngạch thuế quan) của Chương 2 (Đối xử quốc gia và Tiếp cận thị trường hàng hóa)

3. Mê-xi-cô phân bổ hạn ngạch thông qua đấu giá, sẽ được thông báo trước một tháng, không có hạn chế với việc tham gia hay khối lượng đặt giá, và các người đấu giá thành công sẽ trả mức giá thấp nhất. Trong vòng 2 tuần đấu giá, tên của người đấu giá thành công, và mức giá, khối lượng đặt sẽ được công bố công khai trên mạng.

4. Đối với hạn ngạch được quản lý trên cơ sở cấp cho người nộp đơn trước, Mê-xi-cô có thể yêu cầu người nhập khẩu xin giấy phép nhập khẩu từ Secretaría de Economía cho mỗi lô hàng. Giấy phép này sẽ được cấp trước mà không có bất kỳ điều kiện nào, khi xuất trình bằng chứng mua hàng nằm trong hạn ngạch được liệt

kê phía dưới, với điều kiện còn lượng hạn ngạch. Mê-xi-cô có thể xem xét dừng cấp phép nhập khẩu khi hệ thống hải quan cho phép.

5. Hàng hóa trong phạm vi của từng TRQ quy định tại Phần B được xác định theo tên của từng khoản theo TRQ. Những tên gọi này chỉ nhằm mục đích hỗ trợ người đọc hiểu Phụ lục này và sẽ không sửa đổi hoặc thay thế phạm vi được quy định theo mã của LIGIE của Mê-xi-cô.

6. Mỗi TRQ quy định tại Phụ lục này sẽ được áp dụng theo tổng lượng hàng hóa có xuất xứ của các Bên, theo điểm đầu tiên của khoản quy định TRQ.

7. Theo mục đích của Phụ lục này, từ “mét tấn” sẽ được viết tắt là “MT”.

#### Phần B – Hạn ngạch từng nước (CSQ)

**8. CSQ-MX1: Sữa và kem, chưa cô đặc và chưa pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác.**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX1” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

Năm hạn ngạch	Tổng số lượng hàng năm (Lít)
1	250,000
2	262,500
3	275,000
4	287,500
5	300,000
6	312,500
7	325,000
8	337,500
9	350,000

10	362,500
11	375,000

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 375,000 lít mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ thông qua việc đấu giá cho không nhiều hơn 5 năm hạn ngạch sau khi Hiệp định có hiệu lực. Kể từ năm thứ 6 trở đi, Mê-xi-cô sẽ phân bổ thông qua cơ chế Cấp cho người nộp đơn trước.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng cho nhóm: 0401

### **9. CSQ-MX2: Sữa bột**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX2” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	25,000
2	26,700
3	28,400
4	30,100
5	31,800
6	33,500
7	35,200
8	36,900
9	38,600
10	40,300
11	42,000

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 42.000 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ áp dụng quy định sau để quản lý CSQ này:

(i) Từ năm thứ nhất đến năm thứ 10, tối thiểu 80% lượng CSQ quy định tại điểm (b) sẽ được phân bổ theo dòng thuế 0402.21.01.

(ii) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ thông qua việc đấu giá cho không nhiều hơn 3 năm hạn ngạch sau khi Hiệp định có hiệu lực. Kể từ năm thứ 4 trở đi, Mê-xi-cô sẽ phân bổ thông qua cơ chế Cấp cho người nộp đơn trước.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng cho dòng thuế sau: 0402.10.01 và 0402.21.01

### ***10. CSQ-MX3: Sửa cô đặc không đường***

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ôx-trây-lia, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX3” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ôx-trây-lia, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	500
2	525
3	550
4	575
5	600
6	625
7	650
8	675

9	700
10	725
11	750

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 750 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những dòng thuế sau: 0402.91.01 và 0402.91.99

### **11. CSQ-MX4: Sữa cô đặc có đường**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX4” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	1,000
2	1,050
3	1,100
4	1,150
5	1,200
6	1,250
7	1,300
8	1,350
9	1,400

10	1,450
11	1,500

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 1.500 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những dòng thuế sau: 0402.99.01 và 0402.99.99.

***12. CSQ-MX5: Sản phẩm có chứa thành phần sữa tự nhiên, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.***

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX5” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	1,000
2	1,100
3	1,200
4	1,300
5	1,400
6	1,500
7	1,600
8	1,700
9	1,800

10	1,900
11	2,000

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 2.000 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá cho không nhiều hơn 5 năm hạn ngạch sau khi Hiệp định có hiệu lực. Kể từ năm thứ 6 trở đi, Mê-xi-cô sẽ phân bổ thông qua cơ chế Cấp cho người nộp đơn trước.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những dòng thuế sau: 0404.90.99.

### **13. CSQ-MX6: Bơ**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX6” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	1,500
2	1,550
3	1,600
4	1,650
5	1,700
6	1,750
7	1,800
8	1,850
9	1,900
10	1,950
11	2,000



Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 2.000 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá cho không nhiều hơn 3 năm hạn ngạch sau khi Hiệp định có hiệu lực. Kể từ năm thứ 4 trở đi, Mê-xi-cô sẽ phân bổ thông qua cơ chế Cấp cho người nộp đơn trước.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những phân nhóm sau: 0405.10 và 0405.20.

#### **14. CSQ-MX7: Pho mát**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-lia, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX7” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-lia, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	4,250
2	4,475
3	4,700
4	4,925
5	5,150
6	5,375
7	5,600
8	5,825
9	6,050
10	6,275
11	6,500

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 6.500 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá cho không nhiều hơn 3 năm hạn ngạch sau khi Hiệp định có hiệu lực. Kể từ năm thứ 4 trở đi, Mê-xi-cô sẽ phân bổ thông qua cơ chế Cấp cho người nộp đơn trước.

(e) Điều (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những dòng thuế sau: 0406.10.01; 406.20.01; 0406.30.01; 0406.30.99; 0406.90.03; 0406.90.04; 0406.90.05; 0406.90.06 và 0406.90.99

### **15. CSQ-MX8: Chế phẩm sữa khác**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX8” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ô-x-trây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân, Xinh-ga-po và Việt Nam mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	2,000
2	2,050
3	2,100
4	2,150
5	2,200
6	2,250
7	2,300
8	2,350
9	2,400
10	2,450
11	2,500

Bắt đầu từ năm thứ 11, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 2,500 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá cho không nhiều hơn 5 năm hạn ngạch sau khi Hiệp định có hiệu lực. Kể từ năm thứ 6 trở đi, Mê-xi-cô sẽ phân bổ thông qua cơ chế Cấp cho người nộp đơn trước.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những dòng thuế sau: 1901.90.04 và 1901.90.05

### **16. CSQ-MX9: Dầu cọ và dầu hạt cọ**

(a) Khoản này quy định Hạn ngạch thuế quan từng nước đối với hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a theo điểm (e). CSQ mô tả theo khoản này nằm trong mô tả “CSQ-MX9” của Phụ lục 2-D theo Lộ trình của Mê-xi-cô.

(b) Tổng số lượng hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a mô tả theo điểm (e) sẽ được cho phép miễn thuế nhập khẩu theo lượng hạn ngạch hàng năm như sau:

<b>Năm hạn ngạch</b>	<b>Tổng số lượng hàng năm (MT)</b>
1	10,000
2	11,000
3	12,000

Bắt đầu từ năm thứ 3, lượng hạn ngạch sẽ giữ ở mức 12.000 MT mỗi năm.

(c) Hàng hóa nhập khẩu theo vượt quá số lượng quy định tại khoản (b) sẽ tiếp tục được hưởng mức thuế áp dụng theo cam kết WTO.

(d) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSQ này theo cơ chế đấu giá.

(e) Điểm (a) đến (d) sẽ áp dụng đối với những dòng thuế sau: 1511.10.01; 1511.90.99 và 1513.29.99.

## **Phụ lục A-2**

### ***CSA-MX: Phân bổ từng quốc gia về Đường***

1. Mê-xi-cô sẽ cấp nhượng bộ thuế quan đối với đường trong Hiệp định, chỉ khi cần phải nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu nội địa thông qua TRQs MFN đơn phương. Ngoài ra, tất cả đường nhập khẩu vào Mê-xi-cô sẽ đều phải hưởng thuế suất theo cam kết WTO.

2. CSA mô tả trong Phụ lục này nằm trong danh mục “CSA-MX” của Phụ lục 2-D của Lộ trình của Mê-xi-cô.

3. Mê-xi-cô sẽ cho Ôx-trây-lia hưởng 7% lượng CSQ MFN đơn phương Mê-xi-cô mở theo điều kiện sau:

- a) CSA đường được phân bổ cho Ôx-trây-lia sẽ được miễn thuế nhập khẩu;
- b) Mê-xi-cô sẽ phân bổ CSA cho Ôx-trây-lia qua đấu giá theo thủ tục pháp lý nội bộ của Mê-xi-cô.
- c) Ôx-trây-lia sẽ thông báo cho Mê-xi-cô nếu không thể đáp ứng lượng CSA, để Mê-xi-cô có thể phân bổ lại cho các quốc gia khác.
- d) Ôx-trây-lia có thể xuất khẩu cho Mê-xi-cô theo TRQ MFN đơn phương, trong thời gian 2 tháng sau khi giấy chứng nhận được cấp. Tuy nhiên, trong trường hợp khi hiệu lực đơn phương của TRQ đường đơn phương theo cơ sở MFN vượt quá 4 tháng, Ôx-trây-lia phải có 3 tháng để xuất khẩu cho Mê-xi-cô kể từ ngày giấy chứng nhận hạn ngạch được cấp.
- e) Để được hợp lệ đối với thuế quan ưu đãi theo điểm a), đường từ Ôx-trây-lia sẽ phải đáp ứng các tiêu chí xuất xứ cụ thể tương ứng theo Phụ lục 3-D (Quy tắc xuất xứ mặt hàng cụ thể);
- f) Mọi lượng CSA không được sử dụng bởi Ôx-trây-lia sẽ không được tính cho giai đoạn tiếp theo.
- g) Đối với lượng vượt quá lượng CSA được phân bổ cho Ôx-trây-lia, điều kiện thiết lập cho CSA MFN đơn phương sẽ áp dụng, không bị ảnh hưởng bởi quyền và nghĩa vụ của quốc gia này trong WTO.

h) Theo mục đích của CSA này, phạm vi của “đường”, bao gồm hàng hóa được phân loại ở nhóm 1701, và dòng thuế 1702.90.01, 1806.10.01 và 2106.90.05. Mê-xi-cô sẽ thể hiện lưu ý được nêu ở điểm c) ở những dòng thuế cụ thể thuộc diện CSA, khi thích hợp.